

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 9 – NĂM HỌC: 2025-2026

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Phương trình và hệ phương trình	Phương trình quy về phương trình bậc nhất một ẩn					1				0,25
		Phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn			1					1 (TL 7) 1đ	1,25
2	Bất phương trình bậc nhất một ẩn	Bất đẳng thức. Bất phương trình bậc nhất một ẩn	1	1 (TL 1a) 0,5đ	1			1 (TL 1b) 0,5 đ			1,5
3	Căn thức	Căn bậc hai và căn bậc ba của số thực	2	1 (TL 2a) 0,5 đ	1			1 (TL 2b) 0,25 đ			1,5
		Căn thức bậc hai và căn thức bậc ba của biểu thức đại số		1 (TL 3a) 0,5 đ				1 (TL 3b) 0,5 đ			1,0

4	Hệ thức lượng trong tam giác vuông	Tỉ số lượng giác của góc nhọn. Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông	1							0,25	
5	Đường tròn	Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn. Tiếp tuyến của đường tròn			1	2 (TL 4a, 4b) 1,75 đ				2,0	
		Góc ở tâm, góc nội tiếp	2		1	1 (TL 5) 1 đ				1,75	
		Hình quạt tròn và hình vành khuyên						1 (TL 6) 0,5 đ			0,5
Tổng: Số câu			6	3	5	3	1	4	1	23	
Điểm			1,5	1,5	1,25	2,75	0,25	1,75	1,0	10,0	
Tỉ lệ %			30%		40%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – MÔN TOÁN – LỚP 9 – NĂM HỌC: 2025 – 2026.

TT	Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ VÀ ĐẠI SỐ							
1	Phương trình và hệ phương trình	Phương trình quy về phương trình bậc nhất một ẩn	Vận dụng - Giải được phương trình tích có dạng $(a_1x + b_1).(a_2x + b_2) = 0$.			1TN	
		Phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn	Thông hiểu - Tính được nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng máy tính cầm tay. Vận dụng cao - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.		1TN		1TL
2	Bất phương trình bậc nhất một ẩn	Bất đẳng thức. Bất phương trình bậc nhất một ẩn	Nhận biết - Nhận biết được bất đẳng thức. Thông hiểu - Mô tả được một số tính chất cơ bản của bất đẳng thức (tính chất bắc cầu; liên hệ giữa thứ tự và phép cộng, phép nhân). Vận dụng - Giải được bất phương trình bậc nhất một ẩn	1TN 1TL	1TN	1TL	
3	Căn thức	Căn bậc hai và căn bậc ba của số thực	Nhận biết - Nhận biết được khái niệm về căn bậc hai của số thực không âm, căn bậc ba của một số thực. Thông hiểu - Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai, căn bậc ba của một số hữu tỉ bằng máy tính cầm tay.	2TN 1TL	1TN	1TL	

			Vận dụng -Thực hiện được phép khai phương của một bình phương, một tích hay một thương.				
		Căn thức bậc hai và căn thức bậc ba của biểu thức đại số	Nhận biết - Nhận biết được khái niệm về căn thức bậc hai và căn thức bậc ba của một biểu thức đại số. Vận dụng - Thực hiện được một số phép biến đổi đơn giản về căn thức bậc hai của biểu thức đại số (căn thức bậc hai của một bình phương, căn thức bậc hai của một tích, căn thức bậc hai của một thương, trục căn thức ở mẫu).	1TL		1TL	
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
4	Hệ thức lượng trong tam giác vuông	Tỉ số lượng giác của góc nhọn. Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông	Nhận biết - Nhận biết được các giá trị sin (<i>sine</i>), cosin (<i>cosine</i>), tang (<i>tangent</i>), cotang (<i>cotangent</i>) của góc nhọn.	1TN			
5	Đường tròn	Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn. Tiếp tuyến của đường tròn	Thông hiểu - Giải thích được dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn và tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau.		1TN 2TL		
		Góc ở tâm, góc nội tiếp	Nhận biết - Nhận biết được góc ở tâm, góc nội tiếp. Thông hiểu - Giải thích được mối liên hệ giữa số đo góc nội tiếp và số đo góc ở tâm cùng chắn một cung.	2TN	1TN 1TL		
		Hình quạt tròn và hình vành khuyên	Vận dụng - Tính được độ dài cung tròn, diện tích hình quạt tròn.			1TL	

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

MÔN **NGỮ VĂN 9**

Thời gian: 90 phút

I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ:

- Kiến thức:** Đánh giá mức độ đạt chuẩn về năng lực Ngữ văn trình độ lớp 9 (CT Ngữ văn 2018).
- Kĩ năng:** Đọc hiểu văn bản; cảm thụ, phân tích để làm bài kiểm tra trong thời gian 90 phút.
- Thái độ:** Đánh giá thái độ học tập và nhận thức của học sinh.
- Đánh giá các năng lực hình thành qua kiến thức và kĩ năng:** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tạo lập văn bản, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

II. XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG:

1. **Kiến thức phần Đọc - hiểu:** Đọc - hiểu một văn bản truyện truyền kì (tương đương về thể loại với các văn bản ở bài 4 trong SGK)

2. **Kiến thức phần Viết:**

Thuyết minh: HS tạo lập một văn bản thuyết minh về một di tích lịch sử hoặc danh lam thắng cảnh (tương đương kĩ năng phần viết ở bài 3 trong SGK).

III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:

1. **Hình thức:** Tự luận (100%)

2. **Cách thức tổ chức kiểm tra:** Học sinh làm bài kiểm tra tập trung trong 90 phút.

IV. THIẾT LẬP KHUNG MA TRẬN:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện truyền kì	0	2	0	2	0	1	0	0	60

2	Viết	Viết văn bản thuyết minh về một di tích lịch sử hoặc danh lam thắng cảnh	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng số câu hỏi			0	2	0	2	1		0	1	100
Điểm (Tỉ lệ %)			20		25		15		40		
Tỉ lệ chung			60						40		

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	ĐỌC HIỂU	<p>- Tri thức đọc hiểu: Đặc trưng của thể loại truyện truyền kì</p> <p>- Tri thức tiếng Việt: cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; lời đối thoại và độc thoại trong văn bản truyện</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính. - Xác định được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản. - Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong truyện truyền kì. 	2			
			<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nội dung bao quát của văn bản. - Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản, - Phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính. - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. 		2		

			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút ra được bài học từ nội dung văn bản. Thể hiện thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong văn bản. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức nghệ thuật sau khi đọc hiểu văn bản. - Vận dụng những hiểu biết về lịch sử văn học để đọc hiểu văn bản. <p><i>(HS viết ngắn khoảng 4 – 6 dòng)</i></p>			1	
2	VIẾT	<p>Viết bài văn thuyết minh về một di tích lịch sử hoặc danh lam thắng cảnh (Phạm vi: thành phố Hồ Chí Minh)</p>	<p>Nhận biết: Thông hiểu Vận dụng: Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có thể sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh ... minh họa.</p>				
Tổng số câu hỏi				2TL	2TL	1TL	1TL
Điểm (Tỉ lệ %)				20%	25%	15%	40%
Tỉ lệ chung				60			40

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN TIẾNG ANH – KHỐI 9 - NĂM HỌC 2025 – 2026

STT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC						Tổng số câu	
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		TN	TL
		TN	TL	TN	TL	TN	TL		
1	- Nghe hiểu	4		1				5	
2	- Ngữ âm	4						4	
3	- Từ vựng trong ngữ cảnh	2		5				7	
4	- Ngữ pháp: <i>Past simple with “wish”</i>	1						1	
5	- Ngữ pháp: <i>relative pronoun</i>	1						1	
6	- Ngữ pháp: <i>gerund after “spend” in parallel structures</i>	1						1	
7	- Ngữ pháp: <i>wh- words before to-infinitives</i>	1						1	
8	- Ngữ pháp: <i>present subjunctive with “suggest”</i>	1						1	
9	- Ngữ pháp: <i>reported speech with questions</i>	1						1	
10	- Ngữ pháp: <i>forget + to Vo/ Ving</i>			1				1	
11	- Ngữ pháp: <i>participles to reduce relative clause</i>			1				1	
12	- Chức năng giao tiếp					2		2	
13	- Đọc thông tin biển báo, quảng cáo					2		2	
14	- Đọc điền từ	2				4		6	
15	- Đọc hiểu, trả lời câu hỏi			5		1		6	
16	- Từ loại				2		2		4
17	- Hoàn thành câu với từ vựng		2						2
18	- Biến đổi câu						4		4
TỔNG		18	2	13	2	9	6	40	10
TỈ LỆ		40 %		30 %		30 %		80 %	20 %

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK I KHỐI 9 NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Nghe	Nghe thông tin chi tiết	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận diện được các thông tin chi tiết, cụ thể (ví dụ: thời gian, số lượng, tên riêng) trong một đoạn hội thoại hoặc thông báo ngắn. <p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào ngữ cảnh của bài nghe, suy luận và điền được thông tin còn thiếu (về người, vật, hành động...) vào chỗ trống. + <i>Nội dung thuộc các unit 3, 4</i> 	4	1	
2	Ngữ âm	Phát âm	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được từ có phần gạch chân được phát âm khác so với các từ còn lại. + <i>Nguyên âm /i:/, /e/, /ei/, /i/, /ai trong từ đơn âm được lấy từ unit 3,4</i> + <i>Phụ âm /id/, /t/, /d/ cuối –ed</i> 	2		
		Nhấn âm	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được từ có dấu trọng âm chính ở vị trí khác so với các từ còn lại. + <i>Các từ 2, 3 âm tiết; được lấy từ được lấy từ unit 3, 4</i> + <i>Các từ 2, 3 âm tiết; được lấy từ được lấy từ unit 3, 4</i> 	2		
3	Từ vựng	Từ vựng trong ngữ cảnh	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được giới từ/từ phù hợp để tạo thành các cụm từ cố định (collocations) quen thuộc. + <i>impact on, connect to, think of, worry about</i> - Tìm được từ thường kết hợp với từ cho sẵn để tạo thành cụm từ cố định; + <i>tell sb sth (tell me the way ...)</i> <p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được sự khác biệt về nghĩa/ sắc thái nghĩa của các từ để lựa chọn từ phù hợp nhất với ngữ cảnh của câu. + <i>voice assistant/ recycling center/ emergency service/ solar panel</i> + <i>generate/ entertain/ monitor/ decorate</i> + <i>remote/ cozy/ outdoor/ noisy</i> + <i>embassy/ gallery/ pharmacy/ bakery</i> + <i>view/ scene/ vision/ sight</i> 	2 <i>(1 giới từ - 1 cụm từ cố định)</i>	5	

4	Ngữ pháp	Thì của động từ	Biết - Nhận diện được các dấu hiệu về thời gian, cấu trúc để lựa chọn đúng dạng thức của động từ hoặc thành phần cấu trúc ngữ pháp cơ bản. + <i>Past simple with "wish"</i>	1		
		(<i>cấu trúc theo đơn vị bài học</i>)	Biết - Nhận diện được các dấu hiệu về thời gian, cấu trúc để lựa chọn đúng dạng thức của động từ hoặc thành phần cấu trúc ngữ pháp cơ bản. + <i>relative pronoun</i> + <i>gerund after "spend" in parallel structures</i> + <i>wh- words before to-infinitives</i> + <i>present subjunctive with "suggest"</i> + <i>reported speech with questions</i> Hiểu - Phân biệt được cách sử dụng của các cấu trúc ngữ pháp có nét nghĩa tương đồng để lựa chọn phương án đúng. + <i>forget + to V₀/ V_{ing}</i> + <i>participles to reduce relative clause</i>	5	2	
5	Nói	Chức năng giao tiếp	Vận dụng - Áp dụng kiến thức về các mẫu câu giao tiếp xã hội để lựa chọn lời đối đáp phù hợp với tình huống và ngữ cảnh cho trước. + <i>asking the same question (Unit 3)</i> + <i>holding your turn (Unit 4)</i>			2
6	Đọc	Thông tin	Vận dụng - Đọc, phân tích và diễn giải ý nghĩa của các biển báo, quảng cáo, hoặc tin nhắn ngắn để chọn câu trả lời có nội dung tương ứng.+ <i>Biển báo nơi công cộng</i> + <i>Thông báo về 1 tour du lịch</i>			2
		Điền từ	Biết - Nhận diện được giới từ/từ phù hợp để tạo thành các cụm từ cố định (collocations) quen thuộc. Vận dụng - Dựa vào ngữ cảnh của câu và cả đoạn văn, lựa chọn từ vựng (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ) phù hợp về nghĩa để điền vào chỗ trống. - Phân tích mối quan hệ logic giữa các câu, các mệnh đề để lựa chọn liên từ hoặc từ nối phù hợp, đảm bảo tính mạch lạc cho đoạn văn. + <i>Nội dung bài đọc liên quan đến chủ điểm unit 3, 4</i>	2 (<i>phụ từ</i>)		4

		Đọc hiểu	<p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc và xác định được thông tin cụ thể trong bài để trả lời câu hỏi; diễn giải thông tin để quyết định câu phát biểu là Đúng (True), Sai (False) hay Không được đề cập (Not Given); - Suy luận nghĩa của từ/cụm từ dựa vào ngữ cảnh. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và tổng hợp thông tin từ toàn bài đọc để xác định được ý chính hoặc tiêu đề phù hợp nhất. <p>+ Nội dung bài đọc liên quan đến chủ điểm unit 3, 4</p>		5 (gồm 1 câu NI và 1 câu từ vựng)	1
7	Viết	Từ loại	<p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dựa trên việc hiểu và diễn giải ngữ cảnh rõ ràng của câu, học sinh suy luận và xác định được dạng từ phù hợp, quen thuộc từ một từ gốc cho sẵn. <p>+ <i>elavator, refrigerator, adapter</i></p> <p>+ <i>powerful, peaceful, spacious</i></p> <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng kiến thức về cấu tạo từ (tiền tố, hậu tố) và chức năng ngữ pháp của từ loại (danh, động, tính, trạng) để biến đổi từ gốc cho phù hợp với vị trí và ngữ nghĩa của câu. <p>+ <i>sensible/ sensitive/ sensational</i></p> <p>+ <i>unforgettable/ indescribable/ non-recyclable</i></p>		2	2
		Hoàn thành câu	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện một cụm từ hoặc cấu trúc được minh họa rõ ràng trong mục từ điển. Sau đó, xác định chính xác cụm từ/cấu trúc đó để hoàn thành một câu hỏi có ngữ cảnh gần như giống hệt với câu ví dụ đã cho. <p>+ <i>equipment/ entertainment/ advice/ appliance</i></p>	2		
		Biến đổi câu	<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng linh hoạt các cấu trúc ngữ pháp và từ/cụm từ đồng nghĩa, trái nghĩa đã học để viết lại câu theo yêu cầu mà không làm thay đổi nghĩa gốc. <p>+ <i>would like sb. to do sth. -> wish</i></p> <p>+ <i>reported speech for suggestions</i></p> <p>+ <i>relative clause</i></p> <p>+ <i>be noticeable -> take notice of</i></p>			4
Tổng câu (50 câu)				20	15	15
Tổng điểm (10 điểm)				4	3	3
Tỉ lệ				40%	30%	20%

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY
Môn: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 9 – Kì kiểm tra cuối Học kì I – Thời gian làm bài: 60 phút

1. KHUNG MA TRẬN

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá						Tổng số câu		Điểm số	
			PHẦN I (Trắc nghiệm)			PHẦN II (Tự luận)			TN	TL	Tổng	
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	NĂNG LƯỢNG CƠ HỌC	Bài 2. Động năng. Thế năng	1	1						2		0,5
		Bài 3. Cơ năng	1	1						2		0,5
		Bài 4. Công và công suất	1	1						2		0,5
2	ÁNG SÁNG	Bài 5. Khúc xạ ánh sáng	1							1		0,25
		Bài 6. Phản xạ toàn phần	1							1		0,25
		Bài 7. Lăng kính	1							1		0,25
		Bài 8. Thấu kính	1	1						2		0,5
		Bài 10. Kính lúp. Bài tập thấu kính	1							1		0,25
3	ĐIỆN	Bài 11. Điện trở. Định luật Ohm					1/2	1/2			1	1,0
		Bài 12. Đoạn mạch nối tiếp, song song						1/2			1/2	1,0
		Bài 13. Năng lượng của dòng điện và công suất điện						1/2*			1/2	1,0
4	ĐIỆN TỬ	Bài 14. Cảm ứng điện từ. Nguyên tắc tạo ra dòng điện xoay chiều	2							2		0,5

		Bài 15. Tác dụng của dòng điện xoay chiều				$\frac{1}{2}$		$\frac{1}{2}$		1	1,0
5	NĂNG LƯỢNG VỚI CUỘC SỐNG	Bài 16. Vòng năng lượng trên Trái Đất. Năng lượng hóa thạch Bài 17. Một số dạng năng lượng tái tạo				$\frac{1}{2}$	$\frac{1}{2}$			1	1,0
6	KIM LOẠI SỰ KHÁC NHAU CƠ BẢN GIỮA PHI KIM VÀ KIM LOẠI	Bài 18. Tính chất chung của Kim loại						1		1	1,0
		Bài 19. Dây hoạt động hóa học	2						2		0,5
7	Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)		12TN	4TN		1TL	2TL	2TL	16	5	
8	Điểm số		3,0	1,0		1,0	2,0	3,0	4,0	6,0	10,0
9	Tổng số điểm		4,0 điểm			6,0 điểm			10 điểm		10 điểm

Ghi chú:

+ Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần II là một lệnh hỏi

+ **Phần 1:** 16 câu TN – 4,0 điểm

+ **Phần 2:** 5 câu Tự Luận – 6,0 điểm

2. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá.	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	NĂNG LƯỢNG CƠ HỌC	Bài 2. Động năng. Thế năng	Nhận biết: - Viết được biểu thức tính động năng của vật. - Viết được biểu thức tính thế năng của vật ở gần mặt đất. - Nêu được tên gọi, đơn vị của các đại lượng trong biểu thức tính động năng của vật. - Nêu được tên gọi, đơn vị của các đại lượng trong biểu thức tính thế năng của vật ở gần mặt đất.	1TN	1TN	

			Thông hiểu: - Mô tả được các yếu tố ảnh hưởng đến động năng, thế năng - So sánh động năng, thế năng trong các tình huống. - Khẳng định lại ý nghĩa của động năng, thế năng trong đời sống.			
		Bài 3. Cơ năng	Nhận biết: - Nêu được cơ năng là tổng động năng và thế năng của vật. - Viết được biểu thức tính cơ năng. - Nêu được tên gọi, đơn vị của các đại lượng trong biểu thức tính cơ năng. - Nhận diện được sự thay đổi động năng, thế năng trong quá trình chuyển hóa năng lượng giữa chúng. Thông hiểu: - Khẳng định lại mối quan hệ giữa thế năng và động năng khi cơ năng được bảo toàn.	1TN	1TN	
		Bài 4. Công và công suất	Nhận biết: - Liệt kê một số đơn vị thường dùng đo công và công suất. - Viết được biểu thức tính công và công suất. Thông hiểu: - Trình bày cách áp dụng các khái niệm về công và công suất trong đời sống và kỹ thuật. - Đổi được đơn vị giữa các đại lượng công và công suất.	1TN	1TN	
2	ÁNG SÁNG	Bài 5. Khúc xạ ánh sáng	Nhận biết: - Nêu được được khi truyền từ môi trường này sang môi trường khác, tia sáng có thể bị khúc xạ (bị lệch khỏi phương truyền ban đầu). - Phát biểu được định luật khúc xạ ánh sáng. - Nhận biết chiết suất tuyệt đối, chiết suất tỉ đối.	1TN		
		Bài 6. Phản xạ toàn phần	Nhận biết: - Nêu được định nghĩa hiện tượng phản xạ toàn phần. - Nêu được điều kiện xảy ra hiện tượng phản xạ toàn phần.	1TN		
		Bài 7. Lăng kính	Nhận biết: - Nêu được cấu tạo lăng kính. - Nêu được quang phổ của ánh sáng trắng qua lăng kính. - Nhận biết nguồn ánh sáng trắng, ánh sáng màu. - Nêu được khái niệm về ánh sáng màu. - Nêu được màu sắc của một vật được nhìn thấy phụ thuộc vào màu sắc của ánh sáng bị vật đó hấp thụ và phản xạ.	1TN		
		Bài 8. Thấu kính	Nhận biết: - Nêu được các khái niệm: quang tâm, trục chính, tiêu điểm chính và tiêu cự của thấu kính.	1TN	1TN	

			<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện thấu kính hội tụ, thấu kính phân kì. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được đường đi một số tia sáng qua thấu kính (tia qua quang tâm, tia song song quang trục chính) - Khẳng định được: Ảnh thật là ảnh hứng được trên màn; ảnh ảo là ảnh không hứng được trên màn. 			
		Bài 10. Kính lúp. Bài tập thấu kính	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được cấu tạo, công dụng của kính lúp. - Nhận diện được số bội giác của kính lúp. - Nêu được cách quan sát một vật nhỏ qua kính lúp. - Nêu được tính chất ảnh của vật tạo bởi kính lúp. 	1TN		
3	ĐIỆN	Bài 11. Điện trở. Định luật Ohm	<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải được công thức tính điện trở, công thức định luật Ohm áp dụng vào bài toán cơ bản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức về điện trở và định luật ohm giải thích các hiện tượng trong thực tế. 		½TL	½TL
		Bài 12. Đoạn mạch nối tiếp, song song	<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các công thức của mạch nối tiếp hoặc song song vào bài toán cụ thể. 			½TL
		Bài 13. Năng lượng của dòng điện và công suất điện	<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ sự hiểu về giá trị định mức ghi trên thiết bị phát hiện ra và giải thích được nguyên nhân và hoạt động của thiết bị bóng đèn trong mạch điện với điện áp cho trước. 			½TL *
4	ĐIỆN TỬ	Bài 14. Cảm ứng điện từ. Nguyên tắc tạo ra dòng điện xoay chiều	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được: Khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện của cuộn dây dẫn kín biến thiên thì trong cuộn dây đó xuất hiện dòng điện cảm ứng. - Nêu được nguyên tắc tạo ra dòng điện xoay chiều (dòng điện luân phiên đổi chiều). 	2TN		
		Bài 15. Tác dụng của dòng điện xoay chiều	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các tác dụng của dòng điện xoay chiều thông qua thiết bị điện cụ thể trong thực tế <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm sáng tỏ dòng điện xoay chiều có tác dụng nhiệt, phát sáng, tác dụng từ, tác dụng sinh lí thông qua các ví dụ trong thực tế. - Dựa vào sự hiểu biết về tác dụng của dòng điện xoay chiều để đưa ra phương án sử dụng thiết bị điện an toàn, hiệu quả. 	½TL		½TL

5	NĂNG LƯỢNG VỚI CUỘC SỐNG	Bài 16. Vòng năng lượng trên Trái Đất. Năng lượng hóa thạch Bài 17. Một số dạng năng lượng tái tạo	Nhận biết: - Nêu được sơ lược ưu điểm và nhược điểm của năng lượng hoá thạch. - Nêu được sơ lược ưu điểm và nhược điểm của một số dạng năng lượng tái tạo (năng lượng Mặt Trời, năng lượng từ gió, năng lượng từ sóng biển, năng lượng từ dòng sông). - Nhận diện năng lượng hóa thạch và năng lượng tái tạo. - Nêu được một số biện pháp sử dụng hiệu quả năng lượng và bảo vệ môi trường. Thông hiểu: - Trình bày được phương án sử dụng năng lượng hiệu quả, bảo vệ môi trường.	½TL		
6	KIM LOẠI SỰ KHÁC NHAU CƠ BẢN GIỮA PHI KIM VÀ KIM LOẠI	Bài 18. Tính chất chung của Kim loại	Thông hiểu: - Trình bày được tính chất hoá học cơ bản của kim loại: Tác dụng với phi kim (oxygen, lưu huỳnh, chlorine), nước hoặc hơi nước, dung dịch hydrochloric acid (axit clohidric), dung dịch muối. - Mô tả được một số khác biệt về tính chất giữa các kim loại thông dụng (nhôm, sắt, vàng...).			1TL
		Bài 19. Dãy hoạt động hóa học	Nhận biết: - Viết được được dãy hoạt động hoá học (K, Na, Ca, Mg, Al, Zn, Fe, Pb, H, Cu, Ag, Au). - Nêu được ý nghĩa của dãy hoạt động hoá học.	2TN		
TỔNG		Trắc nghiệm	Số câu: 16 câu	12TN	4TN	
			Số điểm: 4,0 điểm	3,0 điểm	1,0 điểm	
		Tự luận	Số câu: 5 câu	1TL	2TL	2TL
			Số điểm: 6,0 điểm	1,0 điểm	2,0 điểm	3,0 điểm
Tỉ lệ %				40%	30%	30%

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9

STT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng số câu			Tỉ lệ % điểm			
			Trắc nghiệm									Tự luận									
			Phần I (Trắc nghiệm nhiều lựa chọn)			Phần II (Trắc nghiệm đúng sai)			Phần III (Trả lời ngắn)												
			NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD				
Lịch sử																					
1	Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945	- Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939 - Cách mạng tháng tám năm 1945.	C1, C2 C3, C4															C1,2 C1-a,b C3,4	C-1a C1c, d	C1-b	40%
2	Thế giới từ năm 1945 đến năm 1991	- Chiến tranh lạnh (1947 – 1989)	C5, C6		C7, C8													C5,6		C7,8	10%
Tổng số câu			6		2	2	2						1	1			8	3	3	14	
Tổng điểm			1.5		0.5	0.5	0.5						1.0	1.0			2.0	1.5	1.5	50%	
Tỉ lệ			30%						20%						20%	15%	15%	50%			
Địa lí																					
1	Địa lí các ngành kinh tế	- Công nghiệp. - Dịch Vụ.	C9, C10 C11															C2-a C2-b C9,10,11 C2-a,b,c,d	C2-a C2-b	C2-b	35%

2	Sự phân hóa lãnh thổ	Vùng Trung du và miền núi phía Bắc	C12							C1,2				C12		C1,2	15 %	
Tổng số câu			4			4				2		1	1	8	1	3	13	
Tổng điểm			1.0			1.0				1.0		1.5	0.5	2.0	1.5	1.5	50 %	
Tỉ lệ %			10%			10%			10%				15 %	5%	20%	15 %	15 %	50 %
Tổng			60%						40%			40%	30 %	30 %	100 %			

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9

STT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá											
				Trắc nghiệm									Tự luận		
				Phần I (Trắc nghiệm nhiều lựa chọn)			Phần II (Trắc nghiệm đúng sai)			Phần III (Trả lời ngắn)					
				NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD
Lịch sử															
1	Thế giới từ năm 1918 đến năm 1945	- Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939 - Cách mạng tháng Tám năm 1945.	NB: - Nêu được nguyên nhân phong trào cách mạng 1930 – 1939. - Nêu được kết quả và ý nghĩa của phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh. - Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền. - Nêu được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của	C1											
				C2											
				C3,4			C1-a,b	C1-c,d							

2	Sự phân hóa lãnh thổ	Vùng Trung du và miền núi phía Bắc	NB: - Xác định được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Vùng Trung du và miền núi phía Bắc. - Nêu đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên Vùng Trung du và miền núi phía Bắc. VD: - Tính mật độ dân số các tỉnh của vùng Trung du và miền núi phía Bắc. - Tính năng suất lúa. - Nhận xét	C12								C1 tính MDDS · C2 tính năng suất lúa			
Tổng số câu				4			4					2		1	1
Tổng điểm				1.0			1.0					1.0		1.5	0.5

BẢNG NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: **Công nghệ - Lớp 9** – Kỳ kiểm tra cuối học kì I

Năm học: 2025-2026

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Tổng số câu				Điểm số		
			PHẦN I (16 câu TN)	PHẦN II (Tự luận 4 câu)			TL	TN	Tổng
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao			
1	2	3	4	7	8	9	10	11	11
1	Modules: Định hướng nghề nghiệp	Bài 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	2				0	2	0,5
		Bài 2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân	2				0	2	0,5
		Bài 3. Thị trường lao động kĩ thuật công nghệ tại Việt Nam	2				0	2	0,5
		Bài 4+5. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp	2				0	2	0,5
2	Modules: Lắp đặt mạng điện trong nhà	Bài 1. Thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình	4	1 (1,5đ)	1 (2,0đ)		2	4	4,5
		Bài 2. Dụng cụ đo điện cơ bản	4	1 (1,5đ)		1 (1,0đ)	2	4	3,5
4	Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)		16 TN	2TL	1 TL	1TL	4	16	
5	Điểm số		4,0	3,0	2,0	1,0	6,0	4,0	10,0
6	Tổng số điểm		4,0 điểm	6,0 điểm			10 điểm		10 điểm

Ghi chú: + Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần II là một lệnh hỏi; mỗi ý hỏi tại Phần II là một lệnh hỏi.

+ **Phần 1:** 16 câu TN lý thuyết (4,0 điểm)

+ **Phần 2:** 4 câu Tự luận (6,0 điểm)

KHUNG BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1
MÔN: CÔNG NGHỆ; LỚP:9 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá.	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Module Định hướng nghề ngành	Bài 1 Nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ	Nhận biết: - Trình bày được khái niệm nghề nghiệp, tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội, ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người. - Kể tên được đặc điểm, những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.	2TN			
		Bài 2 Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân	Nhận biết: -Mô tả được hệ thống giáo dục quốc dân tại Việt Nam. - Nhận ra được các thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.	2TN			
		Bài 3 Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam	Nhận biết: - Trình bày được khái niệm về thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động, vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.	2TN			
		Vận dụng:					

			- Tìm kiếm được thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ một cách chính xác và hiệu quả.				
		Bài 4 +5 Quy trình lựa chọn nghề nghiệp.	Nhận biết: - Tóm tắt được một số lý thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp. - Nhận ra được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.	2TN			
2	Modules Lắp đặt mạch điện trong nhà	Bài 1. Thiết bị đóng cắt và lấy điện trong nhà.	Nhận biết: - Liệt kê được các thiết bị đóng, cắt và lấy điện trong gia đình - Nhận biết được chức năng của các thiết bị đóng	4TN			
			Thông hiểu: - Mô tả được chức năng, cấu tạo, thông số kỹ thuật của thiết bị đóng, cắt và lấy điện trong gia đình.		1 TL (1,5đ)		
			Vận dụng: - Phân tích được tầm quan trọng của một số thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình. - Lựa chọn được thiết bị đóng, cắt và lấy điện phù hợp với mạng điện trong nhà. Giải thích được các thông số kỹ thuật ghi trên từng thiết bị.			1 TL (2,0đ)	
		Bài 2. Dụng cụ đo điện cơ bản	Nhận biết: - Liệt kê một số dụng cụ đo điện cơ bản - Nhận biết được cấu tạo, chức năng của một số dụng cụ đo điện cơ bản	4TN			

			Thông hiểu: - Mô tả được các bước sử dụng một số đồng hồ đo điện cơ bản như ampe kìm, đồng hồ điện năng, công tơ điện		1 TL (1,5đ)		
			Vận dụng: -Xác định được dụng cụ đo cần sử dụng để đo đại lượng điện cụ thể trong thực tế.				
			Vận dụng cao: - Vận dụng kiến thức đã học để sử dụng một số dụng cụ đo điện cơ bản				1TL (1,0đ)
Tổng số câu				16TN 4 điểm	2TL 3 điểm	1TL 2 điểm	1 TL 1 điểm

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK I MÔN TIN HỌC – NĂM HỌC 2025-2026

Loại bài kiểm tra: định kỳ - Cuối HK1 - Khối 9 – ICT

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ-NLC			TNKQ-ĐS			Thực hành						
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề 4. Ứng dụng tin học	Bài 4. Phần mềm mô phỏng	3	2	1							3	2	1	15%
		Bài 5. Trình bày, trao đổi thông tin	3	2	1	2	1	1				5	3	2	25%
		Bài 6A. Tổ chức dữ liệu cho dự án quản lí tài chính gia đình	3	3	2	2	1	1			12	5	4	15	60%
Tổng số câu			9	7	4	4 ý	2 ý	2 ý			12 ý	13	9	18	
Tổng số điểm			2.25	1.75	1	1	0.5	0.5			3	3.25	2.25	4.5	
Tỉ lệ %			50%			20%			30%			32.5%	22.5%	45%	

II. BÀN ĐẠC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ						Thực hành					
				Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai” ²			Trả lời ngắn ³					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 4. Ứng dụng tin học	Bài 4. Phần mềm mô phỏng	* Biết: Nêu được ví dụ phần mềm mô phỏng. Nhận ra được ích lợi của phần mềm mô phỏng. * Hiểu:	3	2	1									

		Trình bày được những kiến thức đã thu nhận từ việc khai thác một vài phần mềm mô phỏng.												
	Bài 5. Trình bày, trao đổi thông tin	<p>* Biết: Biết được khả năng đính kèm văn bản, ảnh, video, trang tính vào sơ đồ tư duy.</p> <p>* Hiểu: Hiểu cách sử dụng bài trình chiếu và sơ đồ tư duy trong trao đổi thông tin và hợp tác.</p> <p>* Vận dụng: Sử dụng được hình ảnh, biểu đồ, video, bài trình chiếu và sơ đồ tư duy trong trao đổi thông tin và hợp tác.</p>	3	2	1	2	1	1						
	Bài 6A. Tổ chức dữ liệu cho dự án quản lý tài chính gia đình	<p>* Biết: Biết được mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện dự án quản lý tài chính gia đình.</p> <p>* Hiểu: Sử dụng được công cụ Data Validation để hỗ trợ nhập dữ liệu.</p> <p>* Vận dụng: Vận dụng kiến thức kỹ năng đã học thực hành Tổ chức dữ liệu cho dự án quản lý tài chính gia đình.</p>	3	3	2	2	1	1						12
	Tổng số câu		9	7	4	4 ý	2 ý	2 ý						12 ý
	Tổng số điểm		2.25	1.75	1	1	0.5	0.5						3
	Tỉ lệ %		50%			20%						30%		

MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức												Tổng			
		Nhận biết				Thông hiểu				Vận dụng							
		CH		Điểm		CH		Điểm		CH		Điểm		CH		Điểm	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Bài 3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	4		1.0			1/2		1.0		1/2		1.0	4	1	1.0	2.0
2	Bài 4. Khách quan và công bằng	4		1.0			1/2		2.0		1/2		1.0	4	1	1.0	3.0
3	Bài 5. Bảo vệ hoà bình	4	1	1.0	1.0						1		1.0	4	2	1.0	2.0
Tổng		12	1	3.0	1.0		1		3.0		2		3.0	12	4	3.0	7.0
Tỷ lệ %		40				30				30							

**BẢNG ĐẶC TẢ CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG
KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 - MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9**

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ cần nhận thức		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Bài 3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng		Nhận biết - Nêu được thế nào là hoạt động cộng đồng. - Liệt kê được một số hoạt động cộng đồng. - Nêu được trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng.	4TN		
		Thông hiểu Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng.		1/2TL	
		Vận dụng - Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng. - Xác định được những hoạt động chung của cộng đồng mà học sinh có thể tham gia. - Lựa chọn được những việc làm phù hợp với lứa tuổi để tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng và thực hiện những việc làm đã chọn.			1/2TL
Bài 4. Khách quan và công bằng		Nhận biết Nêu được những biểu hiện khách quan, công bằng.	4TN		
		Thông hiểu - Giải thích được ý nghĩa của khách quan, công bằng. - Giải thích được tác hại của thiếu khách quan, công bằng.		1/2TL	
		Vận dụng Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng. Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày.			1/2TL
Bài 5. Bảo vệ hoà bình		Nhận biết - Nêu được thế nào là hòa bình và bảo vệ hòa bình. - Liệt kê được các biểu hiện của hòa bình.	4TN 1TL		
		Thông hiểu - Giải thích được vì sao phải bảo vệ hòa bình. - Phân tích được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hòa bình.			

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ cần nhận thức		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
		Vận dụng - Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa. - Xác định được những hoạt động bảo vệ hòa bình phù hợp với lứa tuổi. - Tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hòa bình.			1TL
Tổng	Trắc nghiệm	- Số câu TN: 12 - Số điểm: 3.0	12TN 3 điểm		
	Tự luận	- Số câu TL: 4 - Số điểm: 7.0	1 TL 1 điểm	1TL 3 điểm	2TL 3 điểm

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- NĂM HỌC 2025- 2026

MÔN: GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG 9

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 3.4 GDĐP 9. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.

- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận

- Thời gian: 45 phút.

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng số câu		Tổng thời gian	Tỷ lệ %	tổng số câu TN và TL
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		Vận dụng		Vận dụng cao						
			Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL			
1	Chủ đề 3: Truyện thơ Quốc ngữ trong nền văn học và đời sống tại Thành phố Hồ Chí Minh	- Nêu được quá trình hình thành, phát triển truyện thơ Quốc ngữ tại Sài Gòn – Gia Định và các tác phẩm truyện thơ Quốc ngữ tiêu biểu (như <i>Lục Vân Tiên, Phạm Công – Cúc Hoa, Nhị độ mai...</i>) - Trình bày nội dung, giá trị tư tưởng – nghệ thuật của truyện thơ Quốc ngữ. - Phân tích được nét đặc trưng của truyện thơ Quốc ngữ Nam Bộ: ngôn ngữ bình dị, gần gũi, giàu tính đạo lý và nhân văn.	6		2				1		8	1	20,25	50%	8

2	Chủ đề 4: Một số nghệ nhân đờn ca tài tử tiêu biểu ở Thành phố Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển của Đờn ca tài tử tại Thành phố Hồ Chí Minh. – Phân tích vai trò và đóng góp của các nghệ nhân tiêu biểu trong việc giữ gìn, truyền dạy và phát huy nghệ thuật Đờn ca tài tử tại TP.HCM. 	4		2		1			6	1	20,25	50%	8
Tổng			10		4		1		1	14	2	45	100%	16

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- GDĐP 9 - NĂM HỌC: 2025-2026

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 3.4 GDĐP 9. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
				Câu hỏi TN	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL	Câu hỏi TL

1	<p>Chủ đề 3: Truyện thơ Quốc ngữ trong nền văn học và đời sống tại Thành phố Hồ Chí Minh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được quá trình hình thành, phát triển truyện thơ Quốc ngữ tại Sài Gòn– Gia Định và các tác phẩm truyện thơ Quốc ngữ tiêu biểu (như <i>Lục Vân Tiên, Phạm Công – Cúc Hoa, Nhị độ mai...</i>) - Trình bày nội dung, giá trị tư tưởng – nghệ thuật của truyện thơ Quốc ngữ. - Phân tích được nét đặc trưng của truyện thơ Quốc ngữ Nam Bộ: ngôn ngữ bình dị, gần gũi, giàu tính đạo lý và nhân văn. 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu khái niệm truyện thơ Quốc ngữ và đặc điểm cơ bản của thể loại này. - Trình bày quá trình hình thành và phát triển truyện thơ Quốc ngữ tại Sài Gòn – Gia Định (TP.HCM ngày nay). - Kể tên một số truyện thơ Quốc ngữ tiêu biểu ra đời, in ấn hoặc phổ biến tại Sài Gòn – Gia Định (như <i>Lục Vân Tiên, Phạm Công – Cúc Hoa, Nhị độ mai...</i>). <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích nội dung và giá trị tư tưởng – nghệ thuật của truyện thơ Quốc ngữ. - Giải thích vì sao truyện thơ Quốc ngữ được nhân dân Nam Bộ yêu thích và lưu truyền rộng rãi. - Trình bày ảnh hưởng của truyện thơ Quốc ngữ đến đời sống văn hóa, tinh thần người dân TP.HCM. <p>Vận dụng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ giá trị đạo đức, nhân nghĩa, tình người trong truyện thơ Quốc ngữ với đời sống hiện nay. - Đề xuất biện pháp bảo tồn, giới thiệu và phát huy giá trị truyện thơ Quốc ngữ trong đời sống hiện đại TP.HCM. 	6	2		1
---	---	--	---	---	---	--	---

2	<p>Chủ đề 4: Một số nghệ nhân đàn ca tài tử tiêu biểu ở Thành phố Hồ Chí Minh</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển của Đàn ca tài tử tại Thành phố Hồ Chí Minh. – Phân tích vai trò và đóng góp của các nghệ nhân tiêu biểu trong việc giữ gìn, truyền dạy và phát huy nghệ thuật Đàn ca tài tử tại TP.HCM. 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu khái niệm và đặc điểm cơ bản của nghệ thuật Đàn ca tài tử Nam Bộ. - Trình bày nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển của Đàn ca tài tử tại Thành phố Hồ Chí Minh. - Kể tên một số nghệ nhân tiêu biểu của Đàn ca tài tử TP.HCM (như: Bảy Bá – Trần Văn Trạch, Ba Tu – Nguyễn Văn Diệp, nghệ sĩ Văn Giỏi, Bảy Bá – Cao Văn Lầu, Minh Vương, Bạch Tuyết, Thanh Kim Huệ, v.v.). <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích vai trò và đóng góp của các nghệ nhân tiêu biểu trong việc giữ gìn, truyền dạy và phát huy nghệ thuật Đàn ca tài tử tại TP.HCM. - Giải thích vì sao Đàn ca tài tử được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. - Trình bày sự ảnh hưởng của Đàn ca tài tử đối với đời sống văn hóa, nghệ thuật và tinh thần người dân TP.HCM. <p>Vận dụng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ những giá trị văn hóa, đạo đức, tinh thần trong Đàn ca tài tử với đời sống hiện nay. - Trình bày cảm nhận hoặc giới thiệu về một nghệ nhân Đàn ca tài tử mà học sinh yêu thích hoặc biết đến. - Đề xuất biện pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị Đàn ca tài tử trong cộng đồng, đặc biệt là trong giới trẻ TP.HCM. 	4	2	1	
Tổng số câu: 16				10	4	1	1

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025-2026
MÔN: GDTC LỚP 9

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. *Kiến thức*: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: Kỹ Thuật Nhảy Cao Kiểu Nằm Nghiêng
2. *Năng lực*: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
3. *Phẩm chất*: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	T L		
	Kỹ Thuật Nhảy Cao Kiểu Nằm Nghiêng	Kỹ Thuật Chạy Đà Và Giậm Nhảy	1		1		3				5		50	
		Kỹ Thuật Trên Không và Rơi Xuống Cát (Đệm)	1		1		3				3			
		Thực hành: Kỹ Thuật Nhảy Cao Kiểu Nằm Nghiêng							1			1		50
Tổng			3		3		4				40		45	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			14		15		20		50		100			

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDTC Lớp 9 (Trắc nghiệm và Thực hành)

V. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Kĩ Thuật Nhảy Cao Kiểu Nằm Nghiêng	Kĩ Thuật Chạy Đà Và Giậm Nhảy	- Nhận biết: Nhận biết được cấu trúc và hình thái hoạt động của giai đoạn Kĩ Thuật Chạy Đà Và Giậm Nhảy - Thông hiểu: Nêu được vai trò, tác dụng của giai đoạn Kĩ Thuật Chạy Đà Và Giậm Nhảy - Vận dụng: Thực hiện được các động tác giai đoạn kĩ thuật Chạy Đà Và Giậm Nhảy	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Kĩ Thuật Trên Không và Rơi Xuống Cát (Đệm)	- Nhận biết: Biết điều chỉnh sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện. - Thông hiểu: Mô tả được kĩ thuật từng giai đoạn nhảy cao kiểu nằm nghiêng.. - Vận dụng: Vận dụng các bài tập đã học để rèn luyện thể lực và nâng cao kết quả học tập.	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Thực hành: Kĩ Thuật Nhảy Cao Nằm Nghiêng	- Thông hiểu: Mô tả được bài tập thường sử dụng trong luyện tập từng giai đoạn và phối hợp kĩ thuật các giai đoạn nhảy cao kiểu nằm nghiêng - Vận dụng: Vận dụng được các điều luật thi đấu nhảy cao đã học vào tập luyện và thi đấu.				1(5 đ)

Mạch Nội Dung	Đơn Vị Kiến Thức	Nội Dung Đặc Tả “ Mức Đánh Giá “ Ở Mức Đạt Chuẩn	Tiêu Chí Đánh Giá Kiểm Tra Định Kỳ
Nhảy cao kiểu nằm nghiêng	- Các động tác hỗ trợ kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng. - Kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm	- Thực hiện được các động tác hỗ trợ và kĩ thuật các giai đoạn; phối hợp được các giai đoạn của kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng. - Thể hiện được khả năng điều khiển tổ, nhóm tập luyện và nhận xét kết quả tập	1) Thực hiện được nội dung kiểm tra (thực hiện và phối hợp được các giai đoạn của kĩ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng. Đảm bảo yêu cầu về: tốc độ và nhịp điệu chạy đà; hướng và lực giậm nhảy; tư thế qua xà và tiếp đất). 2) Không phạm qui (Luật, và những qui định về hướng chạy đà, số lần thực hiện nội dung kiểm tra...).

	nghiêng. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	luyện. - Vận dụng được các điều luật thi đấu nhảy cao đã học vào tập luyện và thi đấu. - Hoàn thành lượng vận động của bài tập và nội dung kiểm tra đánh giá kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng. - Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học trong luyện tập và thực hiện nội dung kiểm tra đánh giá.	3) Đạt được yêu cầu về thành tích vận động (tốc độ và cự li chạy đà, lực và hướng giậm nhảy – đá lăng, tư thế trên không và tiếp đất, độ cao đạt được so với yêu cầu kiểm tra định kì). 4) Thể hiện được sự tăng trưởng về năng lực phối hợp vận động, tính nhịp điệu, sức mạnh tốc độ và sức mạnh bật phát phù hợp với đặc điểm cá nhân. 5) Thể hiện được mức độ tích cực tự học, tự rèn luyện.
--	---	--	--

Nhảy cao kiểu nằm nghiêng	Học sinh thực hiện kỹ thuật Nhảy cao kiểu nằm nghiêng (theo hình thức cá nhân, cặp, nhóm).	Đạt: - HS đạt 3/5 tiêu chí là đạt mức 1 (Đ1 – trung bình). - HS đạt 4/5 tiêu chí là đạt mức 2 (Đ2 - khá). - HS đạt 5/5 tiêu chí là đạt mức 3 (Đ1 – giỏi). Chưa đạt: HS chưa đạt tiêu chí 01 và 02 trong bảng tiêu chí đánh giá
----------------------------------	--	--

BẢN ĐẶC TẢ BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I VÀ TIÊU CHÍ

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI LỚP 9

Môn: Mỹ thuật 9

Năm học: 2025 - 2026

I. Bản đặc tả đơn vị kiến thức mức độ đánh giá nội dung kiểm tra học kỳ 1

Nội dung kiểm tra	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
Mĩ thuật ứng dụng: Thể loại – Mĩ thuật ứng dụng	<p><i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Châm, nét, hình, mảng, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> – Cân bằng, đối xứng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại</i> – Mĩ thuật ứng dụng <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D. <i>Thảo luận</i> – Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> – Văn hoá, xã hội.</p>	<p>Nhận biết: – Xác định được ý tưởng sáng tạo phù hợp với mục đích sử dụng</p> <p>Thông hiểu: – Nêu được vai trò, hình ảnh, màu sắc và chữ trong thiết kế tờ gấp giới thiệu-quảng cáo.</p> <p>Vận dụng: – Tạo được tờ gấp giới thiệu-quảng cáo cho sản phẩm của bài học.</p> <p>Vận dụng cao: - Vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để nhận diện các thương hiệu trong cuộc sống. - Chia sẻ được trách nhiệm cá nhân trong việc tuyên truyền, quảng bá sản phẩm và nét đẹp văn hóa quê hương.</p>

2.Hướng dẫn đánh giá nội dung KT theo tiêu chí mức độ đánh giá, xếp loại:

Phiếu ĐG nội dung KT và hướng dẫn xếp loại theo mức độ ĐG

1. Nhận biết, phân biệt được các kiểu dáng, nội dung thể hiện trên tờ gấp.
2. Hiểu và nắm được cách vai trò, hình ảnh, màu sắc và chữ trong thiết kế tờ gấp giới thiệu-quảng cáo.
3. Tạo được tờ gấp giới thiệu-quảng cáo cho sản phẩm .
4. Vận dụng kiến thức , kỹ năng của bài học để nhận diện các thương hiệu trong cuộc sống.
5. Chia sẻ được trách nhiệm cá nhân trong việc tuyên truyền, quảng bá sản phẩm và nét đẹp văn hóa quê hương.

Xếp loại:

- **Chưa đạt:** HS chỉ đạt được tiêu chí 1, tiêu chí 2 hoặc cả 2 tiêu chí 1 và 2 trong 5 tiêu chí.
- **Đạt:** HS đạt được ít nhất 3 tiêu chí (1, 2, 3); 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4) hoặc cả 5 tiêu chí.

BẢN ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I VÀ TIÊU CHÍ, HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

Bộ môn: Nghệ thuật 9 (Âm nhạc)

BẢN ĐẶC TẢ

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
1	Hát	Bài hát tuổi HS: - Chủ đề 1: <i>Mùa khai ngày trường</i> (Nhạc và lời: Vũ Trọng Tường) Bài hát có 2 bè: - Chủ đề 2: <i>Tình mẹ</i> (Nhạc và lời: Nguyễn Hải) Bài hát về biển đảo: Chủ đề 3: Em yêu biển đảo quê em(nhạc và lời Nguyễn Hải)	Nhận biết: Nêu được tên bài hát, tên các tác giả và nội dung của bài hát.	x	x
			Thông hiểu: - Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của các bài hát. - Biết nhận xét về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác.	x	
			Vận dụng: - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái. - Hát rõ lời và thuộc lời; biết chủ động lấy hơi; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết hát đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca. - Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà. - Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa các câu hát. - Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp. - Biết biểu diễn bài hát ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp. - Biết hát 2 bè <i>Tình mẹ</i> (Nhạc và lời: Nguyễn Hải)	X X X X X X x	x x x x

2	Nghe nhạc	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề 2: <i>Mẹ yêu con</i> (Nhạc và lời: Nguyễn Văn Tý) - Chủ đề 3: Tình yêu của biển (Nhạc và lời Phú Quang) 	Nhận biết: Nêu được tên bản nhạc, tên tác giả.	x	
			Thông hiểu: Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc.	x	
			Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Biết biểu lộ cảm xúc khi nghe nhạc. - Biết tưởng tượng khi nghe nhạc. - Biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu. 	x x	
3	Đọc nhạc	Các Bài đọc nhạc số 1, 2, 3 Giọng Đô trưởng, La thứ, Bài luyện tập cơ bản về tiết tấu.	Nhận biết: Đọc đúng tên nốt trong bài đọc nhạc.	x	x
			Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các kí hiệu trong bài đọc nhạc. - Phân biệt được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc. - Cảm nhận được tính chất của bài đọc nhạc. 	x x x	
			Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng. 	x	x
			<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện đúng cao độ và trường độ bài đọc nhạc. - Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm. 	x x	x x

4	Nhạc cụ	- Nhạc cụ thể hiện tiết tấu: Các Bài thực hành 1, 2 - Nhạc cụ thể hiện giai điệu: + Sáo recorder: Các bài thực hành số 1 + Kèn phím: Các bài thực hành số 1 Nhạc cụ thể hiện giai điệu: bài thực hành số 2	Nhận biết: Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.	X	
		Thông hiểu: Biết nhận xét về cách chơi đàn và cách chơi nhạc cụ của bản thân hoặc người khác.	X		
		Vận dụng: - Biết chơi nhạc cụ đúng kỹ thuật. - Tự làm được các nhạc cụ đơn giản từ chất liệu sẵn có. - Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu. - Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc. - Biết chơi nhạc cụ với hình thức hoà tấu. - Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát. - Biết biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp.	X X X X X X X X	X X X X X	
5	Lí thuyết âm nhạc	- Sơ lược về quãng - Sơ lược về hợp âm	Nhận biết: - Ký hiệu của Gam la thứ, và âm chủ La thứ. - Nhận biết được giọng Đô trưởng và giọng La thứ. - Biết các xác định và tên gọi quãng.	X	

TIÊU CHÍ HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chí đánh giá nội dung Hát

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được tên bài hát, tên tác giả và nội dung của bài hát.		
2	Hát rõ lời và thuộc lời.		
3	Hát đúng cao độ.		
4	Hát đúng trường độ.		
5	Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà.		
6	Biết hát kết hợp gõ đệm (theo nhịp, theo phách) hoặc vận động.		
Đạt từ 3 tiêu chí trở lên: Xếp loại Đạt			

2. Tiêu chí đánh giá nội dung Đọc nhạc

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đọc đúng tên nốt nhạc.		
2	Đọc đúng cao độ.		
3	Đọc đúng trường độ.		
4	Thể hiện được tính chất âm nhạc của bài đọc nhạc.		
5	Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm (theo phách, theo nhịp,...).		
Đạt từ 3 tiêu chí trở lên: Xếp loại Đạt			

3. Tiêu chí đánh giá nội dung Nhạc cụ

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
	I. Nhạc cụ thể hiện tiết tấu		
1	Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.		
2	Thể hiện được bài thực hành bằng nhạc cụ tiết tấu.		

3	Biết kết hợp các động tác vận động cơ thể.		
4	Biết sử dụng nhạc cụ để đệm cho bài hát hoặc hoà tấu.		
Đạt từ 3 tiêu chí trở lên: Xếp loại Đạt			
	II. Nhạc cụ thể hiện giai điệu		
1	Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.		
2	Thể hiện đúng cao độ bài thực hành nhạc cụ.		
3	Thể hiện đúng trường độ bài thực hành nhạc cụ.		
4	Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà		
Đạt từ 3 tiêu chí trở lên: Xếp loại Đạt			